TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/HS-ST
Ngày: 23 - 9 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Vũ Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Xà.

Ông Nguyễn Ngọc Đông

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Lan Hương, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/HSST-QĐ ngày 20/9/2024 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T, sinh ngày 29/12/1970, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Chấp hành viên, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn C (Đã chết) và con bà Nguyễn Thị M (đã chết); có vợ Lương Thị H, sinh năm 1971 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/6/2023 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đoàn Thị Minh T1, sinh ngày 09/3/1973, tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tổ dân phố 8, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp, chức vụ khi phạm tội: Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; Đảng, đoàn thể: Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đoàn Quang T2(Đã chết) và con bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1951; có chồng Nguyễn Minh H1, sinh

năm 1972 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: chưa bị kết án, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị cáo bị tạm giam từ ngày từ ngày 20/7/2024 cho đến nay tại Trại tạm giam T771, Bộ Quốc Phòng; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Người có nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tiến A, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số nhà 50, tổ dân phố 17, phường Mh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố 07, bản H2, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Thái Thị H2, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Số 108, bản K, phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Nguyễn Cẩm N, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Tổ dân phố 24 (nay là tổ 07), phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Lưu Ngọc T4, sinh năm: 1977; Địa chỉ: Tổ dân phố 20, phường H, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1973; Địa chỉ: số nhà 41, tổ dân phố 8, phường N1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Ông Nguyễn Đình C, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Đội 16, xã T, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

4. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị L1, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, Khe Chít, phường N1, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ dân phố 16 (nay là tổ 11), phường N, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

(Những người có nghĩa vụ liên quan vắng mặt có lý do; Người làm chứng bà Lê Thị L1 có mặt tại phiên toà; bà Nguyễn Thị X vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Văn T là Chấp hành viên, Phó chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự (viết tắt là THADS) thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là Chủ tịch Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản theo Quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 21/01/2019 của Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ có nhiệm vụ tiêu hủy vật chứng, tài sản của các bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có 02 (hai) chiếc ngà voi, là vật chứng của vụ án hình sự Nguyễn Đình Nam và Đỗ Bá Duy phạm tội "Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm".

Đoàn Thị Minh T1 là Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên được phân công kiểm sát việc tiêu hủy vật chứng, tài sản nhằm đảm bảo việc tiêu hủy vật chứng, tài sản được thực hiện bằng các hình thức đốt cháy, đập vỡ hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định tại Điều 125 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014), Điều 33 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thi hành án dân sự.

Khoảng 09 giờ ngày 23/01/2019, Đoàn Thị Minh T1 gọi điện thoại cho Đỗ Văn T trao đổi hình thức tiêu hủy ngà voi thì được T trả lời tiêu hủy bằng cách đốt cháy, trong lúc trao đổi T1 bàn với T giữ lại 02 (hai) chiếc ngà voi để chia nhau, sau đó T đã nói cho ông Nguyễn Tiến A - Kế toán nghiệp vụ và bà Lê Thị L1 - Phó Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ về việc Viện kiểm sát gợi ý giữ lại 02 (hai) chiếc ngà voi, không tiêu huỷ theo quy định của pháp luật.

Khoảng 8 giờ ngày 24/01/2019, Đỗ Văn T, Đoàn Thị Minh T1 và các thành viên Hội đồng tiêu hủy vật chứng gồm: Nguyễn Tiến A - Kế toán nghiệp vụ, Nguyễn Thị Ngọc M - Thủ kho, Nguyễn Đình C - Thư ký Thi hành án tiến hành làm việc, vắng mặt bà Thái Thị H2 - Thư ký thi hành án và bà Nguyễn Cẩm N - Chuyên viên Phòng Tài chính, Kế hoạch UBND thành phố Điện Biên Phủ. Bà Nguyễn Thị Ngọc M mở kho vật chứng, cùng các thành viên Hội đồng tiêu hủy vật chứng và Đoàn Thị Minh T1 mang vật chứng tiêu hủy theo danh sách về phòng làm việc của Đỗ Văn T để kiểm tra số lượng, tình trạng niêm phong. Sau khi kiểm tra xác định tình trạng niêm phong của các vật chứng đem tiêu hủy còn nguyên vẹn, ông Nguyễn Tiến A và ông Nguyễn Đình C mang toàn bộ vật chứng được tiêu hủy theo danh sách đến khu vực lò đốt của Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ để tiêu hủy bằng phương pháp đốt. Khi thực hiện việc tiêu hủy vật chứng, một mình Đỗ Văn T đưa các vật chứng, tài sản vào bên trong lò đốt, Đoàn Thị Minh T1 và các thành viên còn lại đứng đằng sau Đỗ Văn T quan sát. Do muốn giữ lại 02 (hai) chiếc ngà voi, Đỗ Văn T dùng con dao là vật chứng cùng được tiêu hủy theo danh sách, rạch hộp cát tông lấy 02 (hai) chiếc ngà voi ra khỏi hộp rồi đặt sát mép tường bên trái lò đốt theo hướng từ cửa lò đốt vào trong để khi đốt ngọn lửa và nhiệt lượng không làm ảnh hưởng đến ngà voi, các vật chứng, tài sản khác Đỗ Văn T xếp vào mép tường bên phải lò đốt và châm lửa. Sau khi châm lửa đốt vật chứng, trừ 02 (hai) chiếc ngà voi, Đỗ Văn T lập Biên bản tiêu hủy lấy chữ ký các thành viên Hội đồng tiêu hủy vật chứng, tài sản gồm cả những người vắng mặt và Kiểm sát viên, những người này mặc dù không kiểm tra kết quả để xác định 02 (hai) chiếc ngà voi đã được đốt chưa, khi đốt có cháy hay không hoặc không có mặt khi tiêu huỷ vật chứng nhưng vẫn ký tên xác nhận hoàn thành việc tiêu huỷ. Cuối giờ cùng ngày, khi mọi người trong cơ quan đã về hết, Đỗ Văn T đi đến khu vực lò đốt đem 02 (hai) chiếc ngà voi về phòng làm việc, cất giấu trong tủ sắt cá nhân.

Chiều ngày 31/01/2019, khi mọi người trong cơ quan về hết, Đỗ Văn T lấy cưa sắt tại cơ quan cưa 02 (hai) chiếc ngà voi thành 07 (bảy) đoạn có kích thước khác nhau, cất giấu vào trong tủ sắt cá nhân.

Sáng ngày 01/02/2019, Đỗ Văn T nhắn tin cho Đoàn Thị Minh T1 *"Em sang đi"*, khoảng 08 giờ 34 phút cùng ngày, Đoàn Thị Minh T1 đến phòng làm việc của Đỗ Văn T, tại đây T lấy 03 (ba) đoạn ngà voi lấy từ trong tủ sắt cá nhân để vào trong cặp xách của T1. Sau khi nhận 03 (ba) đoạn ngà voi, T1 kéo khoá cặp xách lại, xách cặp sang phòng làm việc của bà Dương Thị Kim L - Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ để chào trước khi về nghỉ tết. Do biết thông tin Đỗ Văn T giữ lại 02 (hai) chiếc ngà voi, nên khi thấy T1 vào phòng làm

việc của T, bà Lê Thị L1 - Phó Chi cục trưởng Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ đã theo dõi, chứng kiến toàn bộ sự việc T lấy ngà voi từ trong tủ sắt cho vào cặp xách của T1, đồng thời đi theo T1 sang phòng làm việc của bà Dương Thị Kim L. Khi Đoàn Thị Minh T1 đặt chiếc cặp xách đựng ngà voi lên ghế phía trước bàn làm việc của bà Dương Thị Kim L, thì bà Lê Thị L1 tiến lại, kéo khoá cặp xách của T1 lấy 03 (ba) đoạn ngà voi đặt lên bàn uống nước, hô hoán *"Kiểm sát viên mang ngà voi bị tiêu huỷ sang phòng Chi cục trưởng"* và yêu cầu mọi người trong cơ quan đến chứng kiến. Nghe thấy bà Lê Thị L1 hô hoán, Đỗ Văn T đi vào phòng làm việc của bà Dương Thị Kim L cầm 03 (ba) đoạn ngà voi ở bàn uống nước về phòng mình rồi ném qua cửa sổ ra phía đồi đằng sau Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ, sau đó T tiếp tục lấy 03 (ba) đoạn ngà voi để trong tủ sắt cá nhân ném ra phía sau đồi. Khi thấy Đỗ Văn T cầm ngà voi đi về phòng, bà Lê Thị L1 đã đi theo thì thấy cửa tủ sắt cá nhân của T mở, bên trong có 01 (một) đoạn ngà voi, lúc này, ông Nguyễn Tiến A đi vào phòng của Đỗ Văn T cầm đoạn ngà voi lên, bà Lê Thị L1 bảo ông An đưa cho mình nhưng không An không đưa mà cầm đoạn ngà voi đi ra ngoài, lúc sau ông An mang đoạn ngà voi để vào trong tủ sắt cá nhân của T. Ngay sau đó, bà Lê Thị L1 đã đến Công an tỉnh Điện Biên trình báo. Sau khi nhận đơn tố cáo của bà Lê Thị L1, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành làm việc với Đỗ Văn T T1 giữ 01 (một) đoạn ngà voi do Đỗ Văn T giao nộp, đồng thời tiến hành truy tìm và T1 giữ 06 (sáu) đoạn ngà voi còn lại.

- Cơ quan điều tra tiến hành cho Đỗ Văn T thực nghiệm điều tra hành động lấy 03 (ba) đoạn ngà voi từ trong tủ sắt đặt vào cặp xách của Đoàn Thị Minh T1, kết quả phù hợp với lời khai của Đỗ Văn T, lời khai của bà Lê Thị L1 về diễn biến sự việc vào sáng ngày 01/02/2019 như đã nêu trên.

- Cơ quan điều tra tiến hành cho Đỗ Văn T, bà Lê Thị L1 và bà Nguyễn Thị X nhận dạng chiếc cặp của Đoàn Thị Minh T1 đã sử dụng khi đến Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ và bị phát hiện ngà voi bên trong cặp, kết quả: Đỗ Văn T, bà Lê Thị L1, bà Xoan xác định chính xác, trùng nhau về chiếc cặp mà Cơ quan điều tra T1 giữ của Đoàn Thị Minh T1.

- Cơ quan điều tra tiến hành cho Đỗ Văn T nhận dạng 06 (sáu) đoạn ngà voi T1 giữ được theo chỉ dẫn của T, kết quả: T xác định được 03 (ba) đoạn ngà voi đã để vào cặp xách của Đoàn Thị Minh T1 có đặc điểm như sau: 01 (một) đoạn ngà voi hình trụ tròn, hơi cong, chiều dài phần lưng cong là 29,8cm, phần bụng là 26cm, một đầu đặc, mặt cắt có kích thước 4,8cm x 4,4cm, đầu còn lại mỏng, mép nham nhở, rỗng nhỏ dần về đầu bên kia; 01(một) đoạn ngà voi hình chóp nhọn, hơi cong, chiều dài phần lưng cong là 21cm, phần bụng là 19,3 cm, mặt cắt đặc hình elip kích thước 4,5cm x 4,2 cm; 01 (một) đoạn ngà voi hình trụ tròn hơi cong, một đầu đặc, mặt cắt có kích thước 5cm x 4,5cm, trên mặt cắt có lỗ rộng kích thước 1,2cm x 0,8 cm, lỗ rộng theo hình phễu, rộng dần về phía cuối.

- Cơ quan điều tra tiến hành cho Đỗ Văn T đối chất với Đoàn Thị Minh T1; tiến hành cho bà Lê Thị L1 đối chất với Đoàn Thị Minh T1. Kết quả Đỗ Văn T và bà Lê Thị L1 giữ nguyên lời khai xác định vào sáng ngày 01/02/2019 khi T lấy

03 đoạn ngà voi từ trong tủ sắt ra cho vào cặp xách thì Đoàn Thị Minh T1 là người cầm cặp xách.

Tại bản Kết luận giám định số 875/GĐ-PC09 ngày 03/9/2019 của Phòng kỹ T1ật hình sự Công an tỉnh Điện Biên, kết luận: 07 (bảy) đoạn ngà voi nêu trên có khối lượng là 2.158,749 gam = 2,158749 kilogam (BL 504 - 506).

Kết luận giám định số 152/STTNSV ngày 18/02/2019 của Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật T1ộc Viện hàn lâm khoa học và Công nghệ Việt Nam, kết luận: 07 (bảy) đoạn ngà voi T1 giữ của Đỗ Văn T là ngà của loài voi Châu Phi, có tên khoa học là *Loxodonta africana* (nằm trong Phụ lục I và II của Công ước Quốc tế về buôn bán các loại động vật, thực vật hoang dã nguy cấp - Công ước Cites); 07 (bảy) đoạn ngà voi này cùng một loài với 02 (hai) chiếc ngà voi vật chứng của vụ án Nguyễn Đình Nam và Đỗ Bá Duy, phạm tội *"Vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm"* đã được giám định trong Kết luận giám định số 608/STTNSV ngày 02/8/2018 của Viện sinh thái và Tài nguyên sinh vật (BL 86; BL 123 - 125).

Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã có các văn bản Yêu cầu định giá đối với 07 (bảy) đoạn ngà voi trên, nhưng Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự tỉnh Điện Biên và Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn đều không xác định được giá, do đây là hàng cấm, không được phép giao dịch mua bán trên thị trường nên không có giá mua bán, kể cả trên thị trường không chính thức (BL 496 - 502).

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại về kết luận Giám định, định giá tài sản nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 8001/CT-VKSTC-V1 ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Đoàn Thị Minh T1 về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm vụ án tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 356, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đoàn Thị Minh T1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, vì bị cáo T1 có T1 nhập chính từ lương, hiện đang bị tạm đình chỉ công tác, đã đề nghị áp dụng hình phạt tù; Bị cáo Đỗ Văn T bị miễn nhiệm chức vụ, tạm đình chỉ nhiệm vụ của Chấp hành viên, đã bị đề nghị áp dụng hình phạt tù.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch T1 tiêu huỷ: 07 đoạn ngà voi đã được niêm phong, 01 chiếc cặp có quai xách, cặp giả da màu nâu, 01 cưa tay nhãn hiệu Daison, 01 con dao lưỡi bằng sắt, chuôi dao bằng nhựa, đã cũ; 01 phong bì niêm phong của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, mặc trước phong bì có dòng chữ viết tay "Mẫu vật do Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật bàn giao ngày 18/2/2019"; 02 USB lưu các đoạn vi deo vào ngày 01/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ. Tịch T1 sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu đen, kèm thẻ sim 0911.029.039 của bị cáo T; 01 điện thoại Nokia màu đen, kèm thẻ sim 0914.893.879 và 0399.748.068 của bị cáo T1.

- Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức T1, miễn giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T và bị cáo T1 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người làm chứng bà Lê Thị L1 khai nhận: Ngày 23/01/2019, tại phòng làm việc của bà Lê Thị L1 tại Chi Cục THADS thành phố Điện Biên Phủ, Đỗ Văn T có trao đổi với bà Lê Thị L1 về việc tiêu hủy vật chứng là 02 chiếc ngà voi, Viện kiểm sát có nhã ý, T hỏi Chi cục trưởng nhưng Chi cục trưởng không nói gì. Do không hiểu T nói gì, bà Lê Thị L1 đã trả lời T "người ta nói im lặng là đồng ý" và không trao đổi gì thêm. Khoảng 08 giờ ngày 01/02/2019, bà Lê Thị L1 gặp Đoàn Thị Minh T1 đi vào phòng làm việc của Đỗ Văn T, khi đó trên tay T1 xách một chiếc cặp da tối màu. Khi thấy T1 đi vào phòng T, do nhớ tới việc T có trao đổi về việc Viện kiểm sát có nhã ý không tiêu hủy ngà voi, bà Lan nghi ngờ và đứng sát cửa sổ trong phòng làm việc của bà nhìn sang cửa ra vào phòng Đỗ Văn T. Lúc đó, T1, T đứng khuất tường nên bà Lan không nhìn thấy và không nghe được T1, T nói gì nhưng khi T1, T đứng dậy đi đến chiếc tủ sắt kê sát tường ngay cửa ra vào thì bà Lan nhìn thấy T mở cánh tủ sắt, T1 đứng sát cánh cửa lưng quay ra ngoài nên bà Lan không thấy rõ hành động của hai người. Sau đó, bà Lan thấy T1 đi ra ngoài hành lang, trên tay xách cặp. Nhận thấy chiếc cặp da trên tay T1 phồng to hơn bình thường, bà Lan nghi ngờ trong cặp T1 có ngà voi mà T nói trước đó nên bà Lan đi theo và thấy T1 đi vào phòng làm việc của bà Dương Thị Kim L. Khi T1 vào phòng bà Dương Thị Kim L thì bà Lê Thị L1 cũng vào phòng. Tại đây, bà Lê Thị L1 thấy bà Dương Thị Kim L đang ngồi tại bàn làm việc, T1 đứng đối diện bà Dương Thị Kim L, chiếc túi xách được đặt trên ghế sát bàn làm việc. Thấy vậy, bà Lê Thị L1 đã lại gần chiếc cặp và dùng tay phải kéo khóa cặp ra, thấy bên trong có các đoạn màu trắng đục. Sau đó, bà Lê Thị L1 đã gọi người chứng kiến. Khi có người chứng kiến bà Lê Thị L1 dùng hai tay cho vào cặp lấy ra 03 đoạn ngà voi và đặt lên bàn uống nước. Lúc đó T đi vào phòng cầm 03 đoạn ngà voi mang ra khỏi phòng. Khi sự việc kết thúc, bà Lê Thị L1 đi sang phòng T thấy trong tủ sắt tại phòng T có 01 đoạn ngà voi. Ngay sau đó, bà Lê Thị L1 đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như hình phạt; lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những người có nghĩa vụ liên quan, người làm chứng bà Nguyễn Thị X vắng mặt có lý do tại phiên toà nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra. Xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được cơ quan điều tra T1 thập, căn cứ lời khai của các bị cáo T, T1 tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên, Cơ quan điều tra VKSND Tối cao (C1), Viện kiểm sát nhân dân Tối cao (V6) và tại phiên toà; Biên bản niêm phong tài liệu, đồ vật; Bản kết luận giám định; Kết quả thực nghiệm điều tra, nhận dạng, đối chất; Lời khai của người làm chứng, người có nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận:

Đỗ Văn T là chấp hành viên, Phó chi cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng tiêu huỷ vật chứng, tài sản của Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ có nhiệm vụ tiêu huỷ vật chứng, tài sản của các vụ án đã được Toà án xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật, trong đó có 02 (hai) chiếc ngà voi, có trọng lượng 2,158749 kilogam.

Đoàn Thị Minh T1 là kiểm sát viên được phân công kiểm sát việc tiêu huỷ vật chứng. Ngày 23/01/2019, Đỗ Văn T và Đoàn Thị Minh T1 trao đổi hình thức tiêu huỷ vật chứng, trong lúc trao đổi đã bàn bạc thống nhất giữ lại 02 (hai) chiếc ngà voi để chia nhau. Ngày 24/01/2019, Đỗ Văn T xếp các vật chứng vào lò đốt để tiêu huỷ bằng hình thức đốt cháy, tuy nhiên T không đốt 02 (hai) chiếc ngà voi mà giữ lại, cắt thành 07 đoạn để chia cho Đoàn Thị Minh T1 03 đoạn nhằm mục đích sử dụng cá nhân. Khoảng 8 giờ 34 phút ngày 01/02/2019, Đoàn Thị Minh T1 đến phòng làm việc của Đỗ Văn T nhận 03 (ba) đoạn ngà voi, sau đó T1 sang phòng làm việc của bà Dương Thị Kim L để chào trước khi về nghỉ tết thì bị bà

Lê Thị L1 phát hiện, hô hoán mọi người cùng chứng kiến và trình báo Công an tỉnh Điện Biên.

Đỗ Văn T và Đoàn Thị Minh T1 vì vụ lợi nên đã có hành vi làm trái công vụ giữ 02 (hai) chiếc ngà voi là vật chứng của vụ án theo Quyết định của bản án hình sự sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và Quyết định thi hành án để sử dụng vào mục đích cá nhân, do vậy hành vi phạm tội trên của các bị cáo Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo đã phạm vào tội "Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ", theo quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 8001/CT-VKSTC-V6 ngày 22/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo đều không bị oan, sai.

[4] Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của Cơ quan Nhà nước, làm giảm uy tín của các cơ quan Nhà nước nói chung và Cơ quan Thi hành án dân sự hai cấp tỉnh Điện Biên nói riêng. Tội phạm xâm phạm hoạt động tư pháp, tham nhũng, chức vụ xảy ra trong hoạt động tư pháp không nhiều, nhưng tội phạm này gây ảnh hưởng rất lớn đến uy tín của cơ quan thực thi pháp luật, ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với pháp luật và những người thực thi pháp luật trong hoạt động tư pháp. Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang triển khai đồng bộ các biện pháp, giải pháp để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới. Người thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này là những người có chức danh, chức vụ, quyền hạn, được phân công tiêu huỷ vật chứng, tài sản và kiểm sát việc tiêu huỷ vật chứng, tài sản trong thi hành án dân sự; có nhiệm vụ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Nhưng vì vụ lợi, động cơ cá nhân, đã lợi dụng vào nhiệm vụ, chức vụ quyền hạn được giao để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, việc xử lý đối với người thực hiện hành vi phạm tội vừa có tác dụng răn đe đối với các bị cáo, vừa có ý nghĩa trong việc phòng ngừa đối với xã hội, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật của công dân, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, củng cố niềm tin của nhân dân đối với pháp luật và những người thực thi pháp luật.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo T và T1 cùng nhau bàn bạc, thoả T1ận giữ lại 02 kg ngà voi là vật chứng của vụ án và sẽ không tiêu huỷ. T là người trực tiếp giữ lại 02 chiếc ngà voi, không tiêu huỷ, cắt thành 07 đoạn sau đó cất giấu và chia cho Đoàn Thị Minh T1 03 đoạn, giữ lại 04 đoạn để sử dụng vào mục đích cá nhân. Cả hai bị cáo đều là những người thực hành, cùng thực hiện hành vi phạm tội.

Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T: quá trình điều tra bị cáo T thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. Trong thời gian công tác, bị cáo được tặng nhiều giấy khen, có nhiều đóng góp và thành tích xuất sắc trong công tác như Giấy khen của UBND huyện Mường Lay vào năm 1996, Giấy khen của Trưởng thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên vào ngày 21/7/2008, 28/11/2008, Giấy khen của UBND huyện Điện Biên năm 2012, Bằng khen của UBND tỉnh Điện Biên năm 2012, Giấy khen của Trưởng cục thi hành án năm 2010, Giấy khen của Cục thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên năm 2012, Chứng nhận chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2018. Anh trai ruột của bị cáo là ông Đỗ Văn Việt là liệt sĩ; anh trai ruột của bị cáo là ông Đỗ Văn Dũng là thương binh và trong giai đoạn điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra để giải quyết vụ án.

Đối với bị cáo T1: quá trình điều tra, truy tố bị cáo không nhận tội, nhưng tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải. Quá trình công tác bị cáo được Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tặng danh hiệu Lao động tiên tiến năm 2011, 2018, 2021, 2022, 2023; được tặng Giấy khen của Ban chấp hành liên đoàn lao động huyện M năm 2014, năm 2016; Giấy khen của Ban thường vụ hội liên hiệp phụ nữ huyện M năm 2024; Giấy khen của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên năm 2017 và gần đây nhất là bị cáo được Viện kiểm sát nhân dân tối cao tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp kiểm sát" năm 2024. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Đoàn Quang T2là thương binh hạng 3/8, bản thân bị cáo sức khoẻ yếu thường xuyên ốm đau, hiện đang điều trị U ác của tuyến giáp T1N0M0 (C73) tại Bệnh viện Nội tiết Trung Ương.

Do các bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên nên Hội đồng xét xử áp dụng các điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T và áp dụng các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 3 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T1. Xem xét áp dụng hình phạt "Cải tạo không giam giữ" cho các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tại phiên toà Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt đối với bị cáo Đỗ Văn T và Đoàn Thị Minh T1 từ 12 đến 15 tháng tù. Xét đề nghị của Viện kiểm sát nằm trong khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 356 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên như đã phân tích ở trên, do các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và cần có chính sách khoan hồng đối với người phạm tội thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải nên HĐXX áp dụng hình phạt thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ T1 nhập:

Theo quy định tại Khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự: "*4. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.*"

HĐXX xét thấy các bị cáo khi phạm tội đều là những người có chức danh, chức vụ nên cần áp dụng khoản 4 Điều 356 của Bộ luật Hình sự cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, HĐXX xét thấy cần khấu trừ 5% T1 nhập hàng tháng đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Đoàn Thị Minh T1, trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch T1 tiêu huỷ: 07 đoạn ngà voi đã được niêm phong, 01 chiếc cặp có quai xách, cặp giả da màu nâu, 01 cưa tay nhãn hiệu Daison, 01 con dao lưỡi bằng sắt, chuôi dao bằng nhựa, đã cũ; 01 phong bì niêm phong của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, mặc trước phong bì có dòng chữ viết tay "Mẫu vật do Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật bàn giao ngày 18/2/2019"; 02 USB lưu các đoạn vi deo vào ngày 01/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ là vật chứng của vụ án T1ộc loại cấm tàng trữ, không còn giá trị sử dụng.

- Tịch T1 sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Nokia màu đen, kèm thẻ sim 0911.029.039 của bị cáo T; 01 điện thoại Nokia màu đen, kèm thẻ sim 0914.893.879 và 0399.748.068 của bị cáo T1.

- Đối với 01 (một) USB sao lưu video ghi lại sự việc vào ngày 24/01/2019 và 01/02/2019 tại Chi cục THADS thành phố Điện Biên Phủ ngày 08/3/2019, là vật chứng của vụ án nhưng cũng là các tài liệu chứng cứ của vụ án cần được lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không.

[8] Về các vấn đề khác:

- Đối với ông Lưu Ngọc T4 - Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (nay là Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên), ngày 06/9/2024, Cơ quan Điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành kiến nghị số 47/KN-VKSTC-C1(P3), Kiến nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên xem xét và có hình thức xử lý kỷ luật về Đảng và quy định của Ngành.

- Đối với các thành viên khác của Hội đồng tiêu huỷ vật chứng gồm: Ông Nguyễn Tiến A, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Thái Thị H2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Cẩm N, HĐXX kiến nghị Cục trưởng Cục thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên xem xét có hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với ông Nguyễn Tiến A, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Thái Thị H2, ông Nguyễn Đình C. Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét hình thức xử lý kỷ luật đối với bà Nguyễn Cẩm N theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Đối với bà Dương Thị Kim L - Chi cục trưởng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên: Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên kiến nghị xem xét xử lý kỷ luật trách nhiệm của người đứng đầu đối với bà Dương Thị Kim L về Đảng và quy định của ngành. HĐXX xét thấy, ngày 30/11/2022, thành ủy Điện Biên đã ban hành Thông báo số 714-TB/TU về việc xem xét xử lý trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ tiêu hủy vật

chứng ngày 24/01/2019 đối với bà Dương Thị Kim L và đã kết luận xử lý. Do vậy, HĐXX không xem xét đối với nội dung kiến nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức T1, miễn giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T và bị cáo T1 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Văn T, Đoàn Thị Minh T1 phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ".

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 3; Điều 17, Điều 36; Điều 41; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Đỗ Văn T cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo Đỗ Văn T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 3; Điều 17; Điều 36; Điều 41; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đoàn Thị Minh T1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thời gian đã tạm giam cho bị cáo Đoàn Thị Minh T1 từ ngày 20/7/2024 cho đến ngày xét xử 23/9/2024 là 66 ngày x 3 = 198 ngày, (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) tức 06 tháng 18 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải thi hành 05 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện M, tỉnh Điện Biên nhận được quyết định thi hành án.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam đang áp dụng đối với bị cáo Đoàn Thị Minh T1. Áp

dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do cho bị cáo Đoàn Thị Minh T1 ngay tại phiên tòa.

Giao bị cáo Đoàn Thị Minh T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình của bị cáo Đoàn Thị Minh T1 có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

* Về hình phạt bổ sung và khấu trừ T1 nhập:

Bị cáo Đỗ Văn T bị cấm đảm nhiệm chức vụ Chấp hành viên trong thời gian 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Đoàn Thị Minh T1 bị cấm đảm nhiệm chức vụ Kiểm sát viên trong thời gian 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Khấu trừ 5% T1 nhập hàng tháng đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Đoàn Thị Minh T1, trong thời gian chấp hành án để sung quỹ nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch T1 tiêu huỷ:

+ 07 (bảy) đoạn ngà voi đã niêm phong,

+ 01 (một) chiếc cặp xách giả da màu nâu,

+ 01 (một) chiếc cưa tay bằng sắt nhãn hiệu Daison,

+ 01 (một) con dao bằng sắt có chuôi dao bằng nhựa cứng, đã cũ;

+ 01 (một) phong bì niêm phong của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật, mặt trước phong bì có dòng chữ viết tay "Mẫu vật do Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật bàn giao ngày 18/02/2019", mặt sau phong bì có chữ ký và ghi họ tên của Đào Quang Dvà Đặng Tất T5và hai dấu tròn đỏ của Viện sinh thái và tài nguyên sinh vật.

+ 02 (hai) USB lưu các đoạn video vào ngày 01/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ ngày 01/02/2019;

- Tịch T1 sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen bên trong lắp 01 thẻ sim số T1ê bao 0911.029.039, đã cũ T1 giữ của Đỗ Văn T;

+ 01 (một) điện thoại NOKIA màu đen bên trong lắp thẻ sim 0914.893.879 và số 0399.748.068, đã cũ T1 giữ của Đoàn Thị Minh T1.

(Vật chứng của vụ án đã được Viện kiểm sát nhân dân Tối cao chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/8/2024).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức T1, miễn giảm, T1 nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo T và bị cáo T1 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, Điều 333, Điều 367 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23/9/2024).

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT I, Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Thanh Thủy

TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/TB-TA	*Điện Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2024*

THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2024/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên (Đỗ Văn T và đồng phạm) có lỗi cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

1. Tại dòng 01 đến dòng 06 từ dưới lên trang 10 và dòng 01 đến dòng 02 từ trên xuống trang 11 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: *…Đối với các thành viên khác của Hội đồng tiêu huỷ vật chứng gồm: Ông Nguyễn Tiến A, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Thái Thị H2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Cẩm N, HĐXX kiến nghị Cục trưởng Cục thi hành án Dân sự tỉnh Điện Biên xem xét có hình thức xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với ông Nguyễn Tiến A, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Thái Thị H2, ông Nguyễn Đình C. Kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Điện Biên Phủ xem xét hình thức xử lý kỷ luật đối với bà Nguyễn Cẩm N theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước….*

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: *…Đối với các thành viên khác của Hội đồng tiêu huỷ vật chứng gồm: Ông Nguyễn Tiến A, bà Nguyễn Thị Ngọc M, bà Thái Thị H2, ông Nguyễn Đình C, bà Nguyễn Cẩm N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên kiến nghị xử lý kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước. HĐXX xét thấy, ngày 30/11/2022, thành ủy Điện Biên đã ban hành Thông báo số 714-TB/TU, Thông báo số 713-TB/TU và đã kết luận xử lý đối với những người trên. Do vậy, HĐXX không xem xét, giải quyết.*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Các bị cáo;
- Người có nghĩa vụ liên quan;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án (TAND tỉnh Điện Biên);
- Vụ Giám đốc kiểm tra I (TAND Tối cao);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Thanh Thủy